



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

Phụ lục 1.4

KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NHNN TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Vị trí: Chuyên viên Pháp chế ngân hàng

(Đính kèm Thông báo số: ...54.../TB-NHNN ngày ..05/02/2024 của Ngân hàng Nhà nước)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phông vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
1	PC1032	Đỗ Văn	Cường	03-10-2000			80.00	80.00	Trúng tuyển
2	PC1119	Đỗ Huy	Lộc	08-01-2001			79.00	79.00	Trúng tuyển
3	PC1023	Trần Hoàng Minh	Châu		13-09-1999		78.00	78.00	Trúng tuyển
4	PC1158	Đỗ Thu	Phương		03-01-1999		78.00	78.00	Trúng tuyển
5	PC1074	Mai Ngọc	Hiếu	16-02-2000			76.00	76.00	Trúng tuyển
6	PC1203	Đỗ Thị Hồng	Trang		17-05-2001		76.00	76.00	Trúng tuyển
7	PC1189	Nguyễn Song	Thương		18-10-2001		75.00	75.00	Trúng tuyển
8	PC1082	Phạm Đình	Hùng	30-06-1998			74.00	74.00	Trúng tuyển
9	PC1122	Phạm Thị Hương	Ly		27-04-2001		74.00	74.00	Trúng tuyển
10	PC1026	Nguyễn Phương	Chi		20-12-2001		73.00	73.00	Trúng tuyển
11	PC1092	Đoàn Thị Ngọc	Huyền		22-06-1997		72.00	72.00	Trúng tuyển
12	PC1152	Nguyễn Diệu	Như		12-04-2001		71.67	71.67	
13	PC1050	Trần Đình	Duy	23-11-2001			71.00	71.00	
14	PC1118	Lý Thanh	Loan		11-09-1998	5	66.00	71.00	
15	PC1215	Nguyễn Văn	Tùng	05-07-1990			71.00	71.00	
16	PC1018	Vũ Quỳnh	Anh		03-10-2000		70.00	70.00	
17	PC1117	Hoàng Thị	Loan		31-03-1998		70.00	70.00	
18	PC1161	Nguyễn Thị Minh	Phương		23-10-2000		70.00	70.00	
19	PC1187	Hoàng Thị	Thuần		09-06-1998	5	65.00	70.00	
20	PC1194	Nguyễn Lệ	Thủy		20-08-1991		70.00	70.00	



N

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8=6+7	9
21	PC1210	Vũ Thị Thu Trang		05-09-1998		70.00	70.00	
22	PC1022	Phạm Minh Châu		24-03-1997		69.00	69.00	
23	PC1062	Phan Thị Thu Hà		27-12-1998		69.00	69.00	
24	PC1007	Hoàng Thị Trâm Anh		02-12-1998		68.00	68.00	
25	PC1104	Trần Thị Thanh Lam		16-02-2001		68.00	68.00	
26	PC1021	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		22-07-1999		67.00	67.00	
27	PC1055	Nguyễn Thu Giang		08-12-2000		67.00	67.00	
28	PC1079	Trần Thị Ánh Hồng		17-10-1993		67.00	67.00	
29	PC1109	Hoàng Thùy Linh		23-08-2001		67.00	67.00	
30	PC1165	Tạ Thị Lan Phương		10-09-1992		67.00	67.00	
31	PC1014	Nguyễn Văn Anh		06-01-1999		66.00	66.00	
32	PC1017	Trịnh Hải Anh		25-08-2001		66.00	66.00	
33	PC1057	Trần Hương Giang		09-05-2000		66.00	66.00	
34	PC1076	Phạm Xuân Hoà	20-12-1992		5	61.00	66.00	
35	PC1087	Trịnh Lan Hương		29-01-1999		66.00	66.00	
36	PC1114	Phạm Mỹ Linh		13-02-2001		66.00	66.00	
37	PC1160	Nguyễn Như Phương		31-05-2001		66.00	66.00	
38	PC1045	Trần Thị Thùy Dung		18-12-1994	5	60.00	65.00	
39	PC1060	Nguyễn Lê Hà		14-06-2001		65.00	65.00	
40	PC1068	Nguyễn Hồng Hạnh		26-01-1997		65.00	65.00	
41	PC1072	Lê Thị Hiền		10-04-1998		65.00	65.00	
42	PC1073	Nguyễn Thảo Hiền		19-01-2000		65.00	65.00	
43	PC1078	Hà Duy Hoan	13-07-1987			65.00	65.00	
44	PC1105	Nguyễn Lương Thị Lệ		05-02-2000		65.00	65.00	
45	PC1121	Hoàng Thị Quỳnh Ly		24-03-2000		65.00	65.00	
46	PC1148	Trần Thị Ánh Nguyệt		05-11-1997		65.00	65.00	



4

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
47	PC1159	Lê Hoài	Phuong		18-04-1994		65.00	65.00	
48	PC1162	Nguyễn Thị Thu	Phuong		20-03-1984		65.00	65.00	
49	PC1169	Nguyễn Thanh	Quý		15-08-1994		65.00	65.00	
50	PC1209	Trần Thu	Trang		24-11-2001		65.00	65.00	
51	PC1040	Nguyễn Hoàng Ngọc	Diệp		29-03-1998		64.00	64.00	
52	PC1047	Lê Hải	Dương	23-12-2001			64.00	64.00	
53	PC1065	Vũ Thu	Hà		26-10-1999		64.00	64.00	
54	PC1089	Nguyễn Văn	Hường	01-11-1998			64.00	64.00	
55	PC1151	Nguyễn Lan	Nhi		15-02-2000		64.00	64.00	
56	PC1177	Ngô Thị Phương	Thảo		08-05-1999		64.00	64.00	
57	PC1195	Nguyễn Thu	Thùy		29-10-1998		64.00	64.00	
58	PC1213	Đỗ Gia	Trung	07-01-2001			64.00	64.00	
59	PC1010	Nguyễn Ngọc	Anh		23-11-1995		63.00	63.00	
60	PC1061	Phan Thị Mỹ	Hà		11-09-2000		63.00	63.00	
61	PC1077	Phạm Việt	Hòa	29-08-1998			63.00	63.00	
62	PC1096	Phạm Thu	Huyền		05-12-1997		63.00	63.00	
63	PC1130	Bùi Nhật	Minh	04-10-1999			63.00	63.00	
64	PC1135	Đặng Thị Ngọc	Mỹ		26-08-2001		63.00	63.00	
65	PC1164	Tạ Hà Minh	Phuong		04-07-2001		63.00	63.00	
66	PC1207	Nguyễn Thu	Trang		21-03-2000		63.00	63.00	
67	PC1033	Hoàng Mạnh	Cường	04-10-2001			62.00	62.00	
68	PC1048	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương		19-03-1998	5	57.00	62.00	
69	PC1080	Vũ Thị	Hồng		24-04-1999		62.00	62.00	
70	PC1093	Dương Ngọc	Huyền		08-12-2000		62.00	62.00	
71	PC1110	Lê Mai	Linh		09-08-2001		62.00	62.00	
72	PC1125	Lê Hoàng Phương	Mai		09-12-2000		62.00	62.00	



Handwritten signature or mark.

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
73	PC1126	Nguyễn Thị Tuyết	Mai		26-06-2000		62.00	62.00	
74	PC1137	Nguyễn Hằng	Nga		06-01-2001		62.00	62.00	
75	PC1141	Nguyễn Kim	Ngân		30-08-2001		62.00	62.00	
76	PC1208	Tạ Ngọc Mai	Trang		12-03-2000		62.00	62.00	
77	PC1037	Trần Tiến	Đạt	08-07-1999			61.00	61.00	
78	PC1094	Lê Thị Ngọc	Huyền		05-12-2000		61.00	61.00	
79	PC1111	Lê Thị Mai	Linh		10-10-2001		61.00	61.00	
80	PC1183	Trần Thanh	Thảo		07-01-2001		61.00	61.00	
81	PC1204	Đỗ Thu	Trang		17-02-2000		61.00	61.00	
82	PC1219	Lê	Vi		23-06-1999		61.00	61.00	
83	PC1140	Dương Văn	Ngân	12-03-1986			60.33	60.33	
84	PC1091	Đoàn Khánh	Huyền		24-02-2001		60.00	60.00	
85	PC1120	Nguyễn Thị	Luyên		08-08-1993		60.00	60.00	
86	PC1129	Lò Văn	Mạnh	30-12-2001		5	55.00	60.00	
87	PC1168	Lê Đình	Quang	05-04-2000			58.00	58.00	
88	PC1035	Vũ Mạnh	Cường	16-07-1999					Vắng
89	PC1095	Nguyễn Thanh	Huyền		19/8/2001				Vắng
90	PC1107	Đinh Thị Mỹ	Linh		17-07-1994				Vắng
91	PC1115	Phạm Thị Mỹ	Linh		28-09-1994				Vắng
92	PC1172	Nguyễn Minh	Tâm		05-10-1999				Vắng



N